

## SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ - CTCP TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

(đính kèm Tờ trình số 09/TT-DHĐCD.2018 ngày 06/3/2018 của HĐQT)

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT HIỆN HÀNH	ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI
1.	<p>Phần mở đầu:</p> <p>Điều lệ này được sửa đổi căn cứ theo Nghị quyết hợp lệ số 01/NQ – ĐHĐCD.2015 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát thông qua tại cuộc họp thường niên vào ngày 31 tháng 03 năm 2015</p>	<p>Phần mở đầu:</p> <p>Điều lệ này được sửa đổi căn cứ theo Nghị quyết hợp lệ số <u>...../NQ – ĐHĐCD.2018</u> của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát thông qua tại cuộc họp thường niên vào <u>ngày..... tháng..... năm 2018</u></p>
2.	<p><b>Điều 1. Định nghĩa</b></p> <p>1.e “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><b>Điều 1. Định nghĩa</b></p> <p>1.f “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Luật Doanh nghiệp <u>và Luật chứng khoán hiện hành.</u></p>
3.	<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b></p> <p>2.3.1 Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát tại Hà Nội: Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam</p>	<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện; thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty</b></p> <p>2.3.1 Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát tại Hà Nội: <u>Số 66 Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam</u></p>
4.	<p><b>Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện</li> <li>- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan</li> </ul>	<p><b>Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Sản xuất điện)</li> <li>- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Kinh doanh than)</li> <li>- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Du lịch và dịch vụ du lịch, không bao gồm kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)</li> </ul>
5.	<p><b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b></p> <p>1.Vốn điều lệ của Công ty là 8.428.749.560.000 VND (Bằng chữ: Tám nghìn, bốn trăm hai mươi tám tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng Việt Nam).</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 842.874.956 (Bằng chữ: Tám trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi tư nghìn, chín trăm năm mươi sáu) cổ phần với mệnh giá là 10.000</p>	<p><b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b></p> <p>1.Vốn điều lệ của Công ty là <u>15.170.790.000.000 VND (Bằng chữ: Mười lăm nghìn, một trăm bảy mươi tỷ, bảy trăm chín mươi triệu đồng).</u></p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành <u>1.517.079.000 (Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm mười bảy triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn)</u> cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/ cổ phần.</p>

	(mười nghìn) đồng/ cổ phần	
6.	<b>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</b>	<b>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</b> Sửa cụm từ chứng chỉ thành chứng nhận cho khớp với tên Điều và phù hợp với TT 95
7.	<b>Điều 11. Quyền của Cổ đông</b> 1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; b. Nhận cổ tức; g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;	<b>Điều 11. Quyền của Cổ đông</b> 1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham gia <b>và phát biểu dưới sự điều hành của Chủ toạ</b> trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; b. Nhận cổ tức; g. Trường hợp Công ty giải thể <b>hoặc phá sản</b> , được nhận một phần tài sản còn lại <b>tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty</b> sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và <b>các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác</b> của Công ty theo quy định của pháp luật;
8.	<b>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</b>	<b>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</b> Cổ đông có nghĩa vụ sau: 12.6 Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của Công ty cho từng lần họp; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax và thư điện tử phù hợp với quy định của Công ty cho từng lần họp.
9.	<b>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</b> 13.3. HĐQT phải triệu tập ĐHCĐ bất thường trong các trường hợp sau: c. Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc <b>ít hơn một nửa</b> số thành viên quy định trong Điều lệ.	<b>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</b> 13.3. HĐQT phải triệu tập ĐHCĐ bất thường trong các trường hợp sau: c. Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên HĐQT <b>bị giảm quá 1/3</b> so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.
10.	<b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của ĐHCĐ</b> 14.2. ĐHCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định	<b><u>Bổ điều khoản này.</u></b>

	<p>bằng văn bản về các vấn đề sau: n. Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch HĐQT.</p>	
<p>11.</p>	<p><b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ</b> 14.2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau: e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc. h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập; n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;  14.4.Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a.Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.</p>	<p><b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ</b> 14.2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau: e. Bầu, <b><u>miễn nhiệm, bãi nhiệm</u></b> và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.  h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần-  n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 Luật Doanh nghiệp với giá trị <b><u>bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản</u></b> của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;  14.4.Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a.<b><u>Thông qua</u></b> các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.</p>
<p>12.</p>	<p><b>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</b> 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp; b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p>	<p><b>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</b> 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có: - Chữ ký của cổ đông đó <b><u>và cá nhân được ủy quyền dự họp; hoặc</u></b> <b><u>- Chữ ký của cổ đông đó và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.</u></b> b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có: - Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức <b><u>và cá nhân được ủy quyền dự họp; hoặc</u></b></p>

		<p><b><u>- Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.</u></b>  <b><u>c. Tổ chức được ủy quyền dự họp chỉ được ủy quyền lại cho cá nhân khác dự họp khi và chỉ khi có văn bản cho phép ủy quyền lại của cổ đông cá nhân/cổ đông tổ chức.</u></b></p>
<p><b>13.</b></p>	<p><b>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b>  17.2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:  a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p>	<p><b>Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b>  17.2 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:  a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và các tài liệu theo quy định phải phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;  b. Phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham gia dự họp Đại hội đồng cổ <b><u>trong vòng 30 ngày</u></b> trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông.</p>
<p><b>14.</b></p>	<p><b>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ</b>  2.Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.</p>	<p><b>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ</b>  2.Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <b><u>Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến.</u></b> Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng <b><u>hoặc không hợp lệ</u></b> sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết. <b><u>Thành viên của Ban kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa đại hội đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết trực tiếp tại đại hội.</u></b> Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.   3. Cổ đông <b><u>hoặc đại diện được ủy quyền</u></b> đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã</p>

	<p>3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p>	<p>tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p>
<p>15.</p>	<p><b>Điều 20. Thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ</b> Chưa có</p>	<p><b>Điều 20. Thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ</b> 4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>
<p>16.</p>	<p><b>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ</b> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây: 21.6 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p><b>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ</b> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây: 21.6 Biên bản kết quả kiểm phiếu được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p>
<p>17.</p>	<p><b>Điều 22. Biên bản họp ĐHĐCĐ</b> Người chủ trì ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi ĐHĐCĐ kết thúc.</p>	<p><b>Điều 22. Biên bản họp ĐHĐCĐ</b> Người chủ trì ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi ĐHĐCĐ kết thúc hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.</p>
<p>18.</p>	<p><b>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ</b> Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, <b>cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát</b> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, <b>hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b> trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội</p>	<p><b>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ</b> Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, <b><u>cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp</u></b> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, <b><u>hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u></b> trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ</p>

	<p>đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật này;</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p>	<p>đồng không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật này;</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p><b><u>Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng 90 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</u></b></p>
19.	<p><b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>24.1 Tổng số thành viên HĐQT độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT. Tiêu chuẩn và điều kiện áp dụng cho thành viên HĐQT độc lập tuân theo quy định tại Điều 151 Luật DN.</p>	<p><b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</b></p> <p>24.1 Tổng số thành viên HĐQT độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT. Tiêu chuẩn và điều kiện áp dụng cho thành viên HĐQT độc lập tuân theo quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật DN.</p> <p>Cơ cấu HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p><b><u>Kể từ ngày 01/8/2019, một thành viên của HĐQT không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.</u></b></p>
20.	<p><b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>24.2. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 1% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p><b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>24.2 Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>
21.	<p><b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>24.4 Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời hạn này HĐQT không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ</p>	<p><b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</b></p> <p>24.4 Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT</p>

	<p>của người này bị bỏ trống;</p>	<p>liên tục trong vòng sáu (06) tháng, và trong thời hạn này HĐQT không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, <b><u>trừ trường hợp bất khả kháng</u></b>;</p> <p><b><u>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai với mức độ nghiêm trọng theo đáng giá của HĐQT đương nhiệm khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT.</u></b></p>
<p>22.</p>	<p><b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</b>  25.3.a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;  25.3.d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>25.3.h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p>	<p><b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</b>  25.3.a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;  25.3.d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;  25.3.h. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p>
<p>23.</p>	<p><b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</b></p>	<p><b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</b>  m. Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.  n. Thông qua chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ quyết định.  o. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên ĐHĐCĐ;  p. Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc</p>
<p>24.</p>	<p><b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</b>  4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:  c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);  e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p>	<p><b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</b>  4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:  c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 135.2 <b><u>và Điều 162.1, Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp</u></b> phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);  e. Việc <b><u>Công ty vay vốn</u></b> và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p>

	g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;	g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài, trừ việc tái cơ cấu nội bộ;
25.	<b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</b> 8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên cụ thể phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.	<b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</b> 8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.
26.	<b>Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT</b> 26.1 Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. 26.2.f. Ban hành các Quy chế tổ chức, quản lý, điều hành áp dụng đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các Công ty con bao gồm nhưng không giới hạn: Quy chế quản trị Công ty, quy chế Ban Giám đốc, quy chế lao động tiền lương và các quy chế khác.	<b>Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT</b> Bổ quy định “Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại ĐHCĐ thường niên”. 26.2.f. Ban hành các Quyết định, Quy chế tổ chức, quản lý, điều hành áp dụng đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các Công ty con bao gồm nhưng không giới hạn: quy chế Ban Giám đốc, quy chế lao động tiền lương và các quy chế khác.
27.	<b>Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế</b>	<b>Vẫn giữ nguyên</b>
28.	<b>Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT</b> 28.7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.	<b>Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT</b> 28.7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị <b><u>chậm nhất 03 ngày làm việc</u></b> trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.
29.	<b>Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT</b>	<b>Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT</b> <b>Bổ sung vào 28.8</b> Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký cuộc họp được Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp. 28.9 Biểu quyết e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;



30.	<p><b>Điều 32. Thư ký công ty</b></p>	<p><b>Điều 32. Thư ký và Người phụ trách quản trị công ty</b>  <b>Bổ sung khoản 2:</b>  2. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định <u>ít nhất 01 người làm Người phụ trách quản trị công ty</u> với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. <u>Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm Thư ký công ty.</u> HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Người quản trị công ty bao gồm các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này và các nhiệm vụ sau:  a. <u>Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;</u>  b. <u>Tham dự các cuộc họp;</u>  c. <u>Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;</u>  d. <u>Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</u></p>
31.	<p><b>Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</b>  31.2 Nhiệm kỳ: Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng Giám đốc có thể không phải là Chủ tịch HĐQT</p>	<p><b>Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</b>  31.2 Nhiệm kỳ: Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng Giám đốc không thể đồng thời là Chủ tịch HĐQT.</p>
32.	<p><b>IX. QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC DOANH NGHIỆP TRONG CÙNG TẬP ĐOÀN</b></p>	<p><b>Giữ nguyên</b></p>
33.	<p><b>Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát</b>  39.1 Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất 01 thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</p>	<p><b>Điều 39. Thành viên Ban Kiểm soát</b>  39.1 Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất 01 thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty <u>trong 03 năm liền trước đó.</u></p>
34.	<p><b>Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát</b>  39.4 Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:  d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã</p>	<p><b>Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát</b>  39.4 Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:  d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán</p>

	phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;	quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, <b><u>trừ trường hợp bất khả kháng</u></b> ;
35.	<b>Điều 40. Ban kiểm soát</b> 40.2 Nhân viên hành chính phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.	<b>Điều 40. Ban kiểm soát</b> 40.2 <b><u>Người phụ trách công ty</u></b> phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao các <b><u>ngghi quyết, biên bản họp của ĐHĐCĐ và của HĐQT</u></b> , các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên HĐQT phải được cung cấp cho Kiểm soát biên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên HĐQT.
36.	<b>Điều 40. Ban kiểm soát</b> 40.3 Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.	<b>Điều 40. Ban kiểm soát</b> 40.3 Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên.
37.	<b>Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b> 37.3 Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.	<b>Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b> 37.3 Công ty không được phép cấp khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
38.	<b>Điều 50. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</b> Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp	<b>Điều 50. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</b> Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ thông tin cho các cổ đông và công chúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán năm 2006, sửa đổi năm 2010 và các quy định pháp luật có liên quan.
39.	<b>Điều 59. Ngày hiệu lực</b> 1. Bản điều lệ này gồm XXII chương 60 điều và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2015. Điều lệ này thay thế cho Bản điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát được thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2013.	<b>Điều 59. Ngày hiệu lực</b> 1. Bản điều lệ này gồm XXII chương <b>59</b> điều và có hiệu lực từ ngày ..... tháng .... năm ..... Điều lệ này thay thế cho Bản điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát được thông qua <b><u>ngày 10 tháng 03 năm 2017</u></b> .